

Số: /KH-UBND

Hậu Giang, ngày tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH
Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2023 - 2025

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-BTTTT ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Bộ tiêu chí đánh giá phát triển hạ tầng số của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Công văn số 3115/BTTTT-CVT ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông việc xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2023 - 2025 của địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV xây dựng Chính quyền điện tử và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2023 - 2025, với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Phát triển hạ tầng số đáp ứng yêu cầu thông tin liên lạc phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc, giải trí của người dân trên địa bàn Tỉnh.

b) Phát triển hạ tầng số đáp ứng xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, phục vụ cho chuyển đổi số toàn diện của tỉnh Hậu Giang. Nâng cao chất lượng mạng 4G, từng bước triển khai mạng 5G. Phổ cập Internet băng rộng như một tiện ích thiết yếu, đặc biệt là khu vực vùng sâu, vùng xa. Thúc đẩy chuyển dịch từ dịch vụ viễn thông cơ bản sang dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông.

c) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hạ tầng viễn thông; tăng cường chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông của Tỉnh. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng lưới, giảm thiểu các sự cố mất thông tin liên lạc, đảm bảo môi trường, cảnh quan đô thị.

2. Yêu cầu

a) Tuân thủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành liên quan trong việc phát triển hạ tầng, cung cấp dịch vụ viễn thông.

b) Phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh để triển khai hoàn thành các nội dung theo Kế hoạch này.

c) Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền các nội dung Kế hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn Tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Hạ tầng số được phát triển nhanh phục vụ chuyển đổi số và dẫn dắt phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

b) Hạ tầng số được triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm và các hạ tầng kỹ thuật khác.

c) Phát triển hạ tầng số với chất lượng cao, băng thông rộng đáp ứng nhu cầu về kết nối và xử lý dữ liệu.

2. Mục tiêu cụ thể đến 2025

a) Hạ tầng viễn thông băng rộng

- Tỷ lệ ấp, khu vực được phủ băng rộng di động đạt 100%;
- Tỷ lệ ấp, khu vực được phủ băng rộng cố định (FTTH) đạt 100%;
- Tỷ lệ dùng chung vị trí trạm BTS đạt 10%;
- Tỷ lệ dùng chung cột treo cáp đạt 50%;
- Tỷ lệ dùng chung công bể cáp đạt 10%;
- Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng đạt 100%.

b) Sử dụng dịch vụ viễn thông

- Số thuê bao băng rộng di động/100 dân đạt 85 thuê bao;
- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (SMP)/tổng thuê bao điện thoại di động đạt 85%;

- Tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 80%;
- Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân đạt 25 thuê bao;
- Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 95%;
- Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet (bao gồm băng rộng cố định và băng rộng di động) đạt 90%;
- Mạng băng rộng di động (4G) với tốc độ trung bình đạt 70Mb/s;
- Mạng băng rộng cố định với tốc độ trung bình đạt 100Mb/s;
- 100% hạ tầng thiết yếu như giao thông, điện, nước, có khả năng tích hợp cảm biến và ứng dụng Internet vạn vật (IoT);
- 100% hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được hỗ trợ ứng dụng IoT (khi có nhu cầu).

c) Hạ tầng điện toán đám mây

- 100% hệ thống thông tin dùng chung cấp Tỉnh có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây;
- 70% doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh sử dụng dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

d) Hạ tầng công nghệ số

- Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ chuỗi khối (blockchain), Internet vạn vật (IoT) vào các lĩnh vực kinh tế và xã hội;
- AI, blockchain, IoT hỗ trợ hiệu quả cho chương trình chuyển đổi số của Tỉnh, phát triển kinh tế số, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hệ thống quản trị số địa phương và năng lực quản trị.

đ) Nền tảng số

- 100% cơ quan, tổ chức nhà nước, 70% doanh nghiệp sử dụng nền tảng số phục vụ chuyển đổi số;
- Hình thành hệ sinh thái nền tảng số đáp ứng cơ bản yêu cầu chuyển đổi số, được sử dụng sâu rộng để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và trong từng ngành, lĩnh vực, địa bàn góp phần quan trọng để đạt được các chỉ tiêu chiến lược quốc gia phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

III. NHIỆM VỤ

1. Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng

a) Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao, tăng cường phát triển thuê bao băng rộng cố định (FTTH) đến hộ gia đình; đảm bảo cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng tốc độ cao được phổ cập đến các cơ quan, tổ chức, bệnh viện, trường học,... Ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng chất lượng cao trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, địa điểm du lịch trên địa bàn Tỉnh.

b) Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G/...) trên phạm vi toàn Tỉnh; thực hiện lộ trình dừng công nghệ di động cũ (2G) và thúc đẩy sử dụng điện thoại thông minh cho người dân.

c) Phát triển hạ tầng kết nối mạng IoT đáp ứng được yêu cầu của các lĩnh vực có liên quan như công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị; ứng dụng IoT vào quản lý, giải quyết các mục tiêu về phát triển và quản lý hạ tầng (đặc biệt là hạ tầng đô thị).

d) Đầu tư, xây dựng, phát triển, mở rộng hạ tầng trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng trên địa bàn Tỉnh.

đ) Sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (Ipv6) đối với toàn bộ hệ thống ứng dụng của Tỉnh.

e) Mở rộng vùng cung cấp dịch vụ viễn thông trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa các phương thức cáp quang, di động đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

g) Tăng cường phối hợp, chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để tăng hiệu quả đầu tư, phát triển, xây dựng hạ tầng của doanh nghiệp bảo đảm mỹ quan và an toàn cho người dân.

h) Triển khai các hoạt động thúc đẩy phổ cập điện thoại di động thông minh theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025; hỗ trợ người dân tiếp cận nhanh với quá trình chuyển đổi số, khai thác hiệu quả các dịch vụ số.

2. Phát triển hạ tầng điện toán đám mây

a) Khuyến khích, thúc đẩy các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân sử dụng các nền tảng điện toán đám mây, sản phẩm dịch vụ trên nền tảng điện toán đám mây do các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp.

b) Nghiên cứu, ban hành các chính sách, tiêu chuẩn yêu cầu tích hợp, sử dụng hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng IoT trong việc phát triển các lĩnh vực của kinh tế số như thương mại điện tử; chăm sóc sức khỏe từ xa; công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Phát triển hạ tầng công nghệ số

a) Triển khai các hạ tầng số phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số.

b) Đầu tư, xây dựng, phát triển các nền tảng số cung cấp hạ tầng như dịch vụ, phục vụ cho các lĩnh vực kinh tế số, xã hội số.

c) Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số (AI, blockchain, IoT) trong các lĩnh vực dịch vụ công như: nông nghiệp, giao thông, lưu trữ dữ liệu và quản trị số, hỗ trợ tính minh bạch, dịch vụ công trực tuyến,...

d) Tăng cường quản lý quyền sở hữu trí tuệ, bằng sáng chế, nhãn hiệu và bản quyền công nghệ số có giá trị cao. Khuyến khích các doanh nghiệp hợp tác thiết lập một cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thông qua nhóm bằng sáng chế công nghệ số, liên minh sở hữu trí tuệ công nghệ số và các mô hình khác.

4. Phát triển nền tảng số

a) Sử dụng các nền tảng số do cơ quan nhà nước chủ quản, doanh nghiệp Việt Nam phát triển, làm chủ công nghệ, phục vụ hoạt động quản lý nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ công phục vụ xã hội bao gồm: Nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia, Nền tảng địa chỉ số, bản đồ số; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu; Nền tảng dạy học trực tuyến; Nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở (MOOCS), Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa; Nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ công chức và người dân.

b) Phát triển các nền tảng số phục vụ chuyển đổi số của các ngành, lĩnh vực: y tế, giáo dục, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải, logistics, năng lượng, tài nguyên và môi trường, sản xuất công nghiệp.

c) Thúc đẩy phát triển các nền tảng số do doanh nghiệp làm chủ quản, làm chủ công nghệ, cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức.

IV. GIẢI PHÁP

1. Cơ chế, chính sách

a) Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển hạ tầng, mạng lưới đảm bảo phát triển hạ tầng số đáp ứng xây dựng Chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, phục vụ cho chuyển đổi số toàn diện của Tỉnh.

b) Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng viễn thông (tuyến cống bê cấp, tuyến cột treo cáp, nhà trạm viễn thông,...) để cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định và băng rộng di động tốc độ cao trên địa bàn Tỉnh.

2. Hạ tầng số là hạ tầng thiết yếu

a) Bảo đảm trong đồ án quy hoạch hạ tầng giao thông; khu đô thị, dân cư; các khu, cụm công nghiệp..., phải thể hiện đầy đủ nội dung quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.

b) Triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn Tỉnh về hỗ trợ cho các hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận chương trình phổ cập điện thoại thông minh (smartphone), dịch vụ viễn thông công ích.

c) Quản lý xây dựng và đảm bảo chất lượng xây dựng các công trình viễn thông theo quy định; tạo điều kiện bố trí vị trí khi xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông.

d) Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu, tỷ trọng kinh tế từ dịch vụ viễn thông cơ bản (thoại, dữ liệu) sang dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông.

3. Huy động nguồn lực của xã hội tham gia đầu tư, phát triển hạ tầng số

a) Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số.

b) Khuyến khích mọi thành phần kinh tế cùng tham gia xây dựng, phát triển, khai thác hạ tầng viễn thông và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động (cột anten, cột treo cáp, cống bể cáp, hào và tuynel kỹ thuật); đa dạng hóa các dịch vụ viễn thông.

4. Bảo đảm an toàn hạ tầng số, an toàn mạng, quyền lợi người dùng

a) Ban hành chính sách và hướng dẫn thi hành về bảo đảm an toàn hạ tầng số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu số, bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn Tỉnh từ chối hợp tác, kinh doanh với các tổ chức, doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật và không để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật sử dụng hạ tầng của mình; xử lý các nguồn phát tán thông tin vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước; bảo vệ quyền lợi người sử dụng theo quy định.

5. Đo lường, quản lý, giám sát

Triển khai các hệ thống đo lường, giám sát, đánh giá, quản lý nhà nước về hạ tầng viễn thông, hạ tầng trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số, nền tảng số và ban hành bộ tiêu chí đo lường, giám sát hạ tầng số theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

6. Thông tin, tuyên truyền

a) Đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh.

b) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về lợi ích của chuyển đổi từ hạ tầng công nghệ thông tin đơn lẻ sang điện toán đám mây nhằm tăng tỷ lệ sử dụng điện toán đám mây của doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh; lộ trình dừng công nghệ di động 2G của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy nhập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân; phổ biến kết quả, thành tựu của các địa phương, doanh nghiệp tiêu biểu trong hỗ trợ, xây dựng, phát triển hạ tầng số.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện: Ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định phân cấp ngân sách, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp viễn thông tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông trong Tỉnh thông tin, tuyên truyền về nội dung Kế hoạch này và kết quả phát triển hạ tầng viễn thông phục vụ chuyển đổi số của Tỉnh.

c) Phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông, triển khai các giải pháp định hướng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn Tỉnh phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực cạnh tranh.

d) Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương.

đ) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng, phát triển hệ thống thông tin quản lý hạ tầng viễn thông; thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nội dung Kế hoạch này về Bộ Thông tin và Truyền thông và UBND tỉnh. Kịp thời tham mưu, báo cáo UBND tỉnh các nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh các giải pháp thu hút các nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp, kêu gọi đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông theo đúng quy định.

3. Sở Tài chính

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

4. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và các địa phương triển khai quy hoạch xây dựng hạ tầng đô thị gắn kết với hạ tầng số tốc độ cao phục vụ phát triển dịch vụ đô thị thông minh; tạo điều kiện trong việc cấp phép xây dựng các công trình xây dựng thuộc hạ tầng số.

b) Hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn thực hiện việc xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp với quy hoạch kiến trúc, đô thị của Tỉnh và quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tham mưu triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong môi trường số trên cơ sở đặt hàng của các cơ quan, đơn vị. Bố trí kinh phí đề tài, dự án, tạo điều kiện để các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ số tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến phát triển hạ tầng số (AI, blockchain, IoT,...) trên địa bàn Tỉnh.

b) Hướng dẫn hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp trong đăng ký, quản lý, phát triển quyền sở hữu công nghiệp.

6. Các sở, ban, ngành tỉnh

a) Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng số theo quy định; chủ trì, phối hợp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong chia sẻ, sử dụng hạ tầng viễn thông thụ động với hạ tầng kỹ thuật liên ngành khác (giao thông, xây dựng, điện, nước,...).

b) Sử dụng các nền tảng số, các nền tảng điện toán đám mây, sản phẩm dịch vụ trên nền tảng điện toán đám mây do cơ quan nhà nước chủ quản, doanh nghiệp Việt Nam phát triển, làm chủ công nghệ, phục vụ hoạt động quản lý nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ công phục vụ xã hội.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện phát triển hạ tầng số tại địa phương. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông trên địa bàn quản lý phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thực hiện rà soát và phối hợp với doanh nghiệp triển khai thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ ở các khu vực, vị trí lồi lõm sóng di động, khu vực mà hộ gia đình có nhu cầu sử dụng Internet cáp quang nhưng chưa có cáp quang phục vụ.

b) Tổ chức thông tin, tuyên truyền về lộ trình dùng công nghệ di động 2G của Bộ Thông tin và Truyền thông. Tập trung thông tin, tuyên truyền tại các hệ thống siêu thị, cửa hàng thiết bị viễn thông trong việc chấp hành đầy đủ quy định pháp luật trong việc kinh doanh các sản phẩm điện thoại di động (smartphone và feature phone) tại địa phương; tăng cường tuyên truyền việc cài đặt và thường xuyên sử dụng ứng dụng i-Speed của Trung tâm Internet Việt Nam đến tất cả cán bộ công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị và người dân trên địa bàn.

c) Thông tin tuyên truyền, hướng dẫn về Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (VTCI) cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ sử dụng dịch vụ VTCI tại địa phương nắm biết, đăng ký sử dụng (khi có nhu cầu) theo Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục, chất lượng dịch vụ VTCI và hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.

8. Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn Tỉnh

a) Trên cơ sở những nội dung định hướng tại Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch chi tiết của doanh nghiệp và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch này.

b) Tuân thủ các quy định về cấp phép và quản lý xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; chấp hành các quy định về sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật; tăng cường việc chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông và hạ tầng kỹ thuật liên ngành; xác định giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật được sử dụng chung do doanh nghiệp đầu tư.

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, các đơn vị và các doanh nghiệp liên quan đến đầu tư hạ tầng, thống nhất phương án đầu tư xây dựng và sử dụng chung cơ sở hạ tầng; đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ với đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

d) Ban hành (hoặc đề xuất ban hành) các gói cước, gói dịch vụ, chương trình hỗ trợ thiết bị đầu cuối (điện thoại thông minh) phù hợp theo từng nhóm khách hàng; gói cước thích hợp, hỗ trợ, chương trình khuyến mại dịch vụ truy nhập internet cáp quang - FTTH đối với hộ gia đình, đồng thời đẩy mạnh thông tin tuyên truyền để người dân nắm biết, đăng ký sử dụng dịch vụ, đặc biệt tại các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

9. Cục Quản lý thị trường tỉnh

Chủ động, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị có liên quan kiểm tra các hàng hóa, thiết bị viễn thông (đặc biệt là điện thoại di động) theo chức năng, nhiệm vụ.

10. Báo Hậu Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang

Đẩy mạnh tuyên truyền nội dung Kế hoạch này để người dân, doanh nghiệp nắm biết, phối hợp, hỗ trợ thực hiện; tuyên truyền, phổ biến kết quả, thành tựu của các địa phương, doanh nghiệp tiêu biểu trong hỗ trợ, xây dựng, phát triển hạ tầng số.

Trên đây là Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2023 - 2025. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị và các địa phương có văn bản báo cáo, đề xuất gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền Thông;
- Các đơn vị có tên tại Mục VI;
- Lưu: VT, NC.HQ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thu Ánh